

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13-HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10-07-2026

“v/v tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13-HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan và bà Đoàn Thị Chuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Hải Phòng: Ông Nguyễn Xuân Sảo - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2026/TLST-HNGĐ ngày 02/04/2026 về việc *“Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/06/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 04/7/1989; CCCD số: 030189007655; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố Hải Phòng (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình H, sinh ngày 06/9/1987; CC số: 030087022949; địa chỉ: Thôn D (nay là thôn T), xã V, thành phố Hải Phòng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Đình H trước đây là vợ chồng, do mâu thuẫn nên anh chị đã làm thủ tục ly hôn. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 49/QĐCNTTLH ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng) đã công nhận kết quả hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Theo đó chị và anh H thuận tình ly hôn; về con chung chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/06/2012 và Phạm Lâm A, sinh ngày 04/07/2022 còn anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018. Thời gian các bên nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung đủ 18

tuổi và các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Thời điểm đó do cả ba con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng vì trước khi ly hôn, vợ chồng đã ly thân và chị cùng các con ở nhà bố mẹ đẻ của chị. Sau khi ly hôn, chị đã bảo cháu T1 đưa cháu T2 về nhà anh H để anh H thực hiện quyền nuôi dưỡng cháu T2 theo quyết định của Tòa án, tuy nhiên được khoảng 01 tuần thì cháu T2 bị ốm, sốt, ở nhà một mình do anh H đi làm ăn xa nhà. Do thương con nên chị đã đón cháu T2 về nhà mình để chăm sóc, việc đón cháu T2 chị đã nhắn tin cho anh H biết và anh H không có ý kiến gì. Đến thời điểm tết nguyên đán năm 2024, chị cho cháu T2 về nhà anh H để ăn tết cùng anh H và ông bà nội nhưng sau khi ăn tết xong, anh H là người trực tiếp chở cháu T2 về nhà chị để chị nuôi dưỡng và cũng từ thời gian đó anh H không thực hiện nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 theo quyết định của Tòa án, không hỏi han, quan tâm gì đến cháu T2 nên mọi chi phí sinh hoạt, học tập của cháu T2 đều do một mình chị lo liệu, trang trải. Chị T xác định, hiện tại cả ba con chung của chị và anh H đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị làm việc tại Trạm Y tế V số 3 với mức thu nhập hơn 09 triệu đồng một tháng, do công việc hành chính, trụ sở gần nhà nên chị đủ thời gian để chăm sóc các con, về nơi ăn chốn ở của các mẹ con đang ở cùng nhà ông bà ngoại và với điều kiện hiện tại chị T khẳng định đủ điều kiện để nuôi dưỡng cả ba con chung, hơn nữa thời gian chị nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến nay đã hơn 02 năm và vẫn đảm bảo cuộc sống cho các con chung phát triển bình thường.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Phạm Anh T2, chị T yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018 từ anh Phạm Đình H sang cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Anh T2.

Tại Đơn khởi kiện, chị yêu cầu Tòa án buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị số tiền 52.000.000 đồng là số tiền chị đã bỏ ra để nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 thời gian tháng 01/2024 đến tháng 03/2026. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị T2 tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện này, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, biên bản lấy lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa anh Phạm Đình H trình bày:

Anh và chị T trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 49/QĐCNTTLH ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng). Khi ly hôn, anh là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018 còn chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/06/2012 và Phạm Lâm A, sinh ngày 04/07/2022. Thời điểm tháng 01/2024 do cháu T2 bị ốm nên chị T có thông tin với anh, đồng thời đón cháu T2 về chăm sóc và anh đồng ý. Anh H xác định thời gian đầu, anh thỉnh thoảng có đón cháu T2 về chơi sau đó lại đưa cháu T2 về cho chị T chăm sóc nhưng khoảng 01 năm gần đây do

chị T chặn liên lạc với anh nên anh chỉ nhờ người đón cháu T2 về chơi, sau đó cháu T2 lại về với chị T. Vì chị T chặn số điện thoại nên anh cũng không đến nhà chị T, do đó anh không nắm được việc cháu Thư sinh H1, học tập cụ thể như thế nào. Trước đây do tính chất công việc anh phải đi bán hàng hội chợ ở các tỉnh thành trên cả nước nên một tháng chỉ về nhà được một, hai lần nên anh để cháu T2 ở cùng chị T để chị T chăm sóc. Thời điểm hiện tại, do anh đã nghỉ không đi bán hàng, về quản lý quán Karaoke gần nhà với mức thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng một tháng nên anh đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2. Do vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của chị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn anh không nhất trí vì chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi con như ngăn cản không cho anh đón cháu T2 về nuôi dưỡng, cắt đứt mối liên hệ cha, con; hơn nữa nếu để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của các con chung.

Đối với yêu cầu của chị T về việc buộc anh phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 52.000.000 đồng là số tiền chị T đã chi phí để nuôi dưỡng con chung Phạm Anh Thư từ thời gian tháng 01/2024 đến tháng 03/2026 anh không nhất trí vì trong giai đoạn này theo quyết định của Tòa án bản thân anh là người được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2.

Tại biên bản ghi quan điểm, bà Vũ Thị Đ trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Đình H. Sau khi ly hôn, Tòa án đã quyết định giao cháu T1 và cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Sau khi có quyết định của Tòa án, anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 được khoảng 01 năm thì chị T tự ý đến trường học đón cháu về ở cùng chị T, không hỏi ý kiến anh H. Cháu T2 đã ở cùng chị T đến nay được khoảng 02 năm. Anh H có đến thăm gặp và đón cháu T2 về nhưng chị T không đồng ý. Hiện nay anh H đang làm việc trên Hà Nội, thỉnh thoảng có về thăm nhà. Tòa án giao các văn bản cho anh H, bà nhận thay và cam đoan thông tin lại cho anh H được biết.

Tại biên bản ghi quan điểm, ông Nguyễn Văn T4 trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T. Sau khi chị T, anh Hải ly H2, cháu T2 ở cùng anh H được khoảng 01 tuần. Từ tháng 01/2024 đến nay, chị T đã đón cháu T2 về nhà nuôi dưỡng. Lý do chị T đón cháu T2 về nuôi dưỡng vì anh H đi làm ăn xa, không ở nhà, bà nội cháu T2 đã già yếu không chăm sóc được cháu, khi cháu T2 bị ốm không có người chăm sóc. Khi đón cháu T2 về, chị T đã liên lạc, trao đổi với anh H. Từ khi chị T đón cháu T2 về nuôi dưỡng, thời gian đầu anh H có đến thăm gặp cháu T2. Mọi chi phí sinh hoạt, học tập của cháu T2 đều do chị T lo liệu, anh H có đóng góp cùng chị T hay không thì ông không biết. Khi anh H đến thăm cháu T2, chị T và gia đình ông không ngăn cản. Chị T và các con đang ở tại nhà đất của vợ chồng ông ở thôn Đ, xã V, thành phố Hải Phòng. Hàng ngày chị T đi làm, vợ chồng ông hỗ trợ chị T chăm sóc, đưa đón các cháu đi học. Nay cháu T2 đang ở ổn định cùng chị T, anh H thường xuyên vắng nhà nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu thay đổi người nuôi con của chị T.

Tại biên bản xác minh - Trưởng thôn Đa Nghi, xã V trình bày: Sau khi ly hôn với anh H, chị T và 03 con chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Thực tế hiện

nay chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung. Việc anh H có đến thăm gặp cũng như việc chị T và gia đình chị T có ngăn cản anh H thăm gặp con hay không thì ông không chứng kiến.

Tại biên bản xác minh - Trưởng thôn Do Nghĩa, xã V trình bày: Hiện nay anh H đang làm ăn, sinh sống tại Hà Nội, thỉnh thoảng có về địa phương. Chị T và anh H có 03 con chung, hiện các con đều đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại biên bản xác minh - Đại diện Trường Tiểu học N, xã V, thành phố Hải Phòng xác định: Qua theo dõi quá trình học tập, em Phạm Anh T2 có tâm lý ổn định, vui vẻ khi đến trường, giao tiếp bình thường với giáo viên và các bạn. Trong thời gian ở trường, em có thái độ thân thiện, biết chia sẻ, hợp tác với bạn bè, có khả năng tiếp thu bài, thực hiện các yêu cầu của giáo viên, tham gia các hoạt động học tập trên lớp. Trong 02 năm học gần nhất, kết quả đánh giá các môn học em T2 đạt mức hoàn thành. Chị T là người trực tiếp nộp các khoản thu của nhà trường cho em T2.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 52.000.000 đồng là số tiền chị T đã chi phí để nuôi dưỡng con chung Phạm Anh Thư từ thời gian tháng 01/2024 đến tháng 03/2026 đồng thời đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này. Đối với yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con Phạm Anh T2 chị Nguyễn Thị T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Bị đơn anh Phạm Đình H cũng giữ nguyên quan điểm không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T thay đổi người trực tiếp nuôi con chung Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018 từ anh Phạm Đình H sang cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Phạm Đình H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Anh T2; buộc anh Phạm Đình H phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp phải giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Bị đơn anh Phạm Đình H cư trú tại xã V, thành phố Hải

Phòng. Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng và quan hệ tranh chấp là “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị T còn yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Đình H thanh toán cho chị số tiền chị đã chi phí nuôi con chung Phạm Anh Thư từ tháng 01/2024 đến tháng 3/2026 với số tiền 52.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, chị T tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc chị T rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

[2.1] Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 49/QĐCNTTLH ngày 26/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13-Hải Phòng) đã công nhận kết quả hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án và quyết định này là quyết định có hiệu lực pháp luật. Theo quyết định chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Đình H thuận tình ly hôn; về con chung chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Thanh T1, sinh ngày 07/06/2012 và Phạm Lâm A, sinh ngày 04/07/2022 còn anh Phạm Đình H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018. Thời gian các bên nuôi dưỡng các con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung không ai được cản trở. Như vậy, việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018 sau khi chị T và anh H ly H2 là quyền và nghĩa vụ của anh H.

[2.2] Tại phiên tòa, chị T xác định trong thời gian vợ chồng ly thân, do chị về nhà đẻ ở nên đã đưa cả ba con chung của vợ chồng về ở cùng chị. Sau ly hôn, do anh H có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 nên chị đã đưa cháu T2 về gia đình anh H để anh H nuôi dưỡng; tuy nhiên được thời gian khoảng 01 tuần về ở với anh H, cháu T2 bị ốm nhưng anh H đi làm xa không có người chăm sóc cháu T2 nên chị T đã bảo cháu Phạm Thanh T1 là con gái lớn sang đón cháu T2 về để chị chăm sóc, việc đón cháu T2 về chăm sóc chị T đã thông tin cho anh H và anh H có biết việc chị T đón con chung Phạm Anh T2 về nuôi. Cho đến thời điểm tết nguyên đán năm 2024 anh H đã đến đón con về ăn tết cùng gia đình nhà đẻ anh H, nhưng sau tết anh H là người trực tiếp đưa con chung Phạm Anh T2 quay lại để chị T trực tiếp chăm sóc. Toàn bộ nội dung này, tại phiên tòa công khai được anh H thừa nhận và xác định chị T trình bày là đúng sự thật, việc sau tết nguyên đán anh H đưa con chung sang cho chị T nuôi dưỡng anh H xác định do thời điểm đó anh đi làm xa nhà nên mới đưa con sang cho chị T nuôi dưỡng. Như vậy, sự kiện chị T, anh H đón con chung Phạm Anh T2 cũng như sự kiện anh

H đưa con sang cho chị T nuôi dưỡng từ sau tết nguyên đán năm 2024 cho đến nay được các bên đương sự thừa nhận nên đây là sự kiện không phải chứng minh và với sự thừa nhận này của anh H có đủ căn cứ để khẳng định việc con chung Phạm Anh T2 được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2024 cho đến nay đã được anh H tự nguyện chuyển giao.

[2.3] Cũng tại phiên tòa, anh H trình bày trong suốt quá trình chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 cho đến nay, bản thân anh mỗi khi mong muốn được gặp gỡ con chung Phạm Anh T2 thì đều phải nhờ người thân của anh đến đón về hoặc do con gái lớn của anh là Phạm Thanh T1 tự đưa cháu Phạm Anh T2 về gia đình anh chơi chứ anh không trực tiếp đến đón con được, đồng thời anh cũng muốn trang trải các khoản chi phí sinh hoạt học, tập cho con chung Phạm Anh T2 nhưng anh cũng không thực hiện được. Các nội dung nêu trên anh H xác định anh không thực hiện được vì lý do chị T chặn số điện thoại của anh nên anh không thể liên lạc được với con chung Phạm Anh T2 để anh thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nên chị T là người có hành vi cản trở anh thực hiện quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 theo quyết định của Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã nhận định ở phần [2.2] thì sự kiện cháu Phạm Anh T2 được chị T trực tiếp nuôi dưỡng từ thời điểm tháng 01/2024 cho đến nay trên cơ sở anh H tự nguyện chuyển giao cho chị T. Chỉ với căn cứ anh H cho rằng do chị T chặn số điện thoại của anh nên anh không thể liên lạc được với con, không thể trực tiếp đến đón con cũng như không thể thực hiện nghĩa vụ trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập cho con chung Phạm Anh T2 trong khi cháu Phạm Anh T2 vẫn được chị gái của cháu cũng như thân nhân gia đình anh H đến đón về nhà để anh H sau đó lại về nhà chị T, mặt khác nếu anh H thật sự quan tâm và thực hiện quyền nghĩa vụ của người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 thì đối với các khoản chi phí học tập cho cháu tại trường nơi cháu T2 học tập, anh H hoàn toàn có đủ tư cách để thực hiện nghĩa vụ trang trải mà không cần đến sự đồng ý của chị T. Như vậy, nội dung anh H cho rằng chị T là người có hành vi cản trở anh thực hiện quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 theo quyết định của Tòa án là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

Hội đồng xét xử thấy rằng, từ thời điểm tháng 01/2024 cho đến nay cháu Phạm Anh T2 đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng và chung sống cùng hai chị em ruột, nguyện vọng của cháu T2 muốn tiếp tục được ở cùng mẹ và các chị em của mình. Kết quả xác minh tại Trường Tiểu học N thể hiện, quá trình học tập tại nhà trường, cháu T2 có tâm lý ổn định, vui vẻ, hòa đồng với giáo viên, bạn bè, kết quả học tập đều đạt mức hoàn thành, mọi chi phí học tập cho cháu T2 đều do chị T thực hiện. Điều này cho thấy môi trường học tập, sinh hoạt hiện nay của cháu T2 ổn định, bảo đảm cho sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của cháu. Về điều kiện nuôi dưỡng của các bên, chị T hiện công tác tại Trạm Y tế V, có thu nhập trung bình khoảng 9.300.000 đồng/tháng, đang cùng 03 con sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, được bố mẹ hỗ trợ trong việc chăm sóc, đưa đón các cháu đi học nên có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con. Trong khi đó, trong suốt quá trình

giải quyết vụ án cho đến thời điểm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, có đủ căn cứ xác định anh H làm việc và sinh sống tại Hà Nội, thỉnh thoảng mới về địa phương. Mặc dù tại phiên tòa anh H xác định không đi làm xa nữa, đã mở quán Karaoke gần nhà và có mức thu nhập từ 15 đến 20 triệu đồng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Như vậy, việc chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Anh T2 sẽ tạo điều kiện để các chị em các cháu được sống cùng nhau, bảo đảm sự ổn định về tâm lý, tình cảm và thuận lợi cho việc học tập, phát triển của cháu T2. Anh H về tâm tư, nguyện vọng không mong muốn thay đổi nhưng do công việc làm ăn xa nên có ý thức bỏ mặc cháu T2 cho chị T nuôi dưỡng nên có đủ cơ sở xác định chính bản thân anh H là người không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Phạm Anh T2.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Phạm Anh T2, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh Thư T3 anh Phạm Đình H sang cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.5] Về cấp dưỡng cho con: Chị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án buộc anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Anh T2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn chị T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với yêu cầu buộc anh Phạm Đình H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 52.000.000 đồng (*năm mươi hai triệu đồng*) là số tiền chị T đã chi phí để nuôi dưỡng con chung Phạm Anh Thư từ thời gian tháng 01/2024 đến tháng 03/2026.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Giao cháu Phạm Anh T2, sinh ngày 16/10/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Phạm Anh T2. Anh Phạm Đình H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung Phạm Anh T2, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Phạm Đình H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (*chưa thực hiện*). Hoàn trả chị Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0003508 do Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng phát hành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 13-Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13-Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hiền